

SƠ ĐỒ PHÒNG THI TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA CẤP I NĂM 2023

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Thứ ba 13/06/2023 7 giờ - 11 giờ	Chuyên khoa cấp I	4A	Chẩn đoán hình ảnh	153	Chẩn đoán hình ảnh.(107)
		4B			Giải phẫu bệnh
			Nhãn khoa	42	Nhãn khoa.(42)
			4C	Chấn thương chỉnh hình	101
		5A	Ngoại khoa	63	Ngoại khoa.(63)
			Phẫu thuật tạo hình	48	Phẫu thuật tạo hình tái tạo và thẩm mỹ.(48)
		5B	Ngoại nhi	9	Ngoại - nhi.(9)
			Ngoại niệu	48	Ngoại thận và tiết niệu.(48)
			Ngoại thần kinh	62	Ngoại thần kinh - sọ não.(62)
		5C	Ngoại lồng ngực	18	Ngoại - lồng ngực.(18)
			Tai mũi họng	45	Tai - Mũi - Họng.(45)
			Ung thư	28	Ung thư.(28)
		5D	Sản phụ khoa	202	Sản phụ khoa.(90)
		6A			Sản phụ khoa.(112)
		6B	Hồi sức cấp cứu	87	Hồi sức cấp cứu.(87)
			Huyết học	18	Huyết học.(18)
		6C	Gây mê hồi sức	90	Gây mê hồi sức.(90)
		6D	Chăm sóc giảm nhẹ	6	Chăm sóc giảm nhẹ.(6)
			Lão khoa	59	Lão khoa.(59)
			Truyền nhiễm	20	Truyền nhiễm.(20)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Thứ ba 13/06/2023 7 giờ - 11 giờ	Chuyên khoa cấp I	7A	Nội khoa	110	Nội khoa.(110)
		7B		110	Nội khoa.(110)
		7C		Dinh dưỡng	13
			Tâm thần	9	Tâm thần.(9)
		7D	Nội tiết	53	Nội tiết.(53)
			Thần kinh	45	Thần kinh.(45)
		9A1	Hóa sinh	3	Hóa sinh.(3)
			Lao	13	Lao.(13)
			Phục hồi chức năng	20	Phục hồi chức năng.(20)
			Vi sinh	3	Vi sinh y học.(3)
		9A2	Y học cổ truyền	41	Y học cổ truyền.(41)
		9B	Tổ chức quản lý y tế	4	Y học dự phòng.(2) Y tế công cộng.(2)
			Y học gia đình	21	Y học gia đình.(21)
		9C	RHM chuyên ngành	45	Răng - Hàm - Mặt.(45)
		ĐGD_Y	Da liễu	126	Da liễu.(126)
		GD_11_Y	Công nghệ dược phẩm - bào chế	19	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(19)
			Dược lý và Dược lâm sàng	18	Dược lý và dược lâm sàng(18)
		GD_12_Y	Dược liệu - Dược học cổ truyền	2	Dược liệu - Dược học cổ truyền(2)
			Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	1	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(1)
			Quản lý dược	24	Tổ chức Quản lý dược(24)
		GD1	Nhi khoa	97	Nhi khoa.(97)
		GD2		97	Nhi khoa.(97)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Thứ ba 13/06/2023 12 giờ 30 - 16 giờ	Chuyên khoa cấp I	4A	Giải phẫu	107	Chẩn đoán hình ảnh.(107)
		4B		105	Chẩn đoán hình ảnh.(46) Nhân khoa.(42) Giải phẫu bệnh.(17)
		4C		101	Chẩn thương chỉnh hình.(101)
		5A		111	Ngoại khoa.(63) Phẫu thuật tạo hình tái tạo và thẩm mỹ.(48)
		5B		119	Ngoại - nhi.(9) Ngoại thần kinh - sọ não.(62) Ngoại thận và tiết niệu.(48)
		5C		91	Tai - Mũi - Họng.(45) Ngoại - lồng ngực.(18) Ung thư.(28)
		5D		90	Sân phụ khoa.(90)
		6A		112	Sân phụ khoa.(112)
		6B		Sinh lý	105
		6C	90		Gây mê hồi sức.(90)
		6D	85		Lão khoa.(59) Chăm sóc giảm nhẹ.(6) Truyền nhiễm.(20)
		7A	110		Nội khoa.(110)
		7B	110		Nội khoa.(110)
		7C	90		Nội khoa.(68) Dinh dưỡng.(13) Tâm thần.(9)
		7D	98		Nội tiết.(53) Thần kinh.(45)
		9A1	39		Phục hồi chức năng.(20) Hóa sinh.(3) Lao.(13) Vi sinh y học.(3)
		9A2	41		Y học cổ truyền.(41)
		ĐGD_Y	126		Da liễu.(126)
		GD1	97		Nhi khoa.(97)
		GD2	97	Nhi khoa.(97)	

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành	
Thứ ba 13/06/2023 12 giờ 30 - 16 giờ	Chuyên khoa cấp I	9B	Thống kê y học	4	Y học dự phòng.(2)	Y tế công cộng.(2)
			Tổ chức quản lý y tế	21	Y học gia đình.(21)	
		9C	Nha khoa cơ sở	45	Răng - Hàm - Mặt.(45)	
		GĐ_11_Y	Hóa hữu cơ	37	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(19)	Dược lý và dược lâm sàng(18)
		GĐ_12_Y		27	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(1)	Dược liệu - Dược học cổ truyền(2)

Ghi chú:

- Thí sinh phải có mặt tại phòng thi đúng ngày giờ quy định:
 - Sáng: 7 giờ
 - Chiều: 12 giờ 30 phút
- Khi đi thi sinh phải mang đủ:
 - Giấy báo dự thi và Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu.
- Địa điểm giảng đường thi:
 - Giảng đường 4A, 4B, 4C,.....9A1, 9A2, 9B, 9C: thuộc tòa nhà 15 tầng.
 - Giảng đường 1 (GĐ1), Giảng đường 2 (GĐ2): thuộc dãy nhà A.
 - Đại Giảng đường (ĐGD_Y): thuộc dãy nhà D.
 - Giảng đường 11 (GĐ_11_Y), Giảng đường 12 (GĐ_12_Y): thuộc khu vực cổng số 2 Phù Đổng Thiên Vương.

